

Bản án số: 38/2022/DS-ST
Ngày: 14-9-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Tài;

Ông Chau Khon Sóc.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Ngọc Diễm, Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 20/2022/TB-TA ngày 29-8-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Trụ sở chính: Số A, phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Văn Ngọc H - chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T (theo quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019), có mặt;

Bị đơn: Bà Phạm Thị Cẩm L, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện Ngân hàng C (Ngân hàng) trình bày:

Ngân hàng C đã ký hợp đồng tín dụng số 96/2019/HĐ-TD ngày 26-11-

2019 cho bà L vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng , hạn trả nợ cuối cùng ngày 19-11-2024, lãi suất vay 7,92%/năm, lãi suất quá hạn 10,296%/năm, hình thức vay tín chấp.

Tiền lãi được thu hàng tháng sau khi nhận khoản vay đầu tiên, tiền gốc được thu định kỳ 06 tháng/lần, mỗi lần thu 5.000.000 đồng.

Tính đến ngày 07-6-2022 bà L chỉ trả tiền gốc được 11.000.000 đồng và đã vi phạm thời hạn trả nợ gốc theo thỏa thuận, đồng còn nợ lãi là 1.978.523 đồng.

Ngân hàng C yêu cầu bà Phạm Thị Cẩm L trả số tiền nợ gốc là 39.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 14-9-2022 là 3.010.944 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 42.010.944 đồng. Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi trả xong khoản nợ.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ; niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bị đơn và đã thực hiện việc thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Phạm Thị Cẩm L vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, lập hồ sơ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tổng đạt thông báo thụ lý cho nguyên đơn và Viện kiểm sát trễ hạn so với quy định.

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, riêng bị đơn bà Phạm Thị Cẩm L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chưa đảm bảo theo quy định, do bà L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L là đảm bảo theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Trên cơ sở hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác định bà L đã ký hợp đồng tín dụng số 96/2019/HĐ-TD ngày 26-11-2019 để vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất vay 7,92%/năm, lãi suất quá hạn 10,296%/năm, hình thức vay tín chấp, mục đích vay là mua bán tạp hóa. Đến nay bà L chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 11.000.000 đồng, còn nợ lại tiền vốn nợ gốc là 39.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 14-9-2022 là 3.010.944 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 42.010.944 đồng. Do bà L vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng và Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu bà L trả số tiền vốn và lãi còn nợ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Biên bản xác minh tại áp

T, xã T ngày 20 tháng 6 năm 2022 .

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Phạm Thị Cẩm L vắng mặt không có ý kiến trình bày;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 96/2019/HĐ-TD ngày 26-11-2019. Xét, đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); bị đơn đăng ký thường trú tại ấp T, xã T, huyện T nên Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bị đơn bà Phạm Thị Cẩm L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng C ký hợp đồng tín dụng số 96/2019/HĐ-TD ngày 26-11-2019, cho bà L vay tiền với mục đích là mua bán tạp hóa. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng tín dụng số 96/2019/HĐ-TD ngày 26-11-2019 giữa nguyên đơn và bị đơn được giao kết trên cơ sở tự nguyện; nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội; các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng.

[3] Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn đã có thông báo chấm dứt cho vay vào ngày 20-5-2021 và ngày 22-11-2021.

Tại điểm d Điều 5 hợp đồng tín dụng số 96/2019/HĐ-TD ngày 26/11/2019 quy định:

Bên cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau: Bên vay vi phạm hợp đồng tín dụng đã được bên cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục ...

Khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.

Do đó, việc ngân hàng khởi kiện thu hồi nợ trước hạn, chấm dứt hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về lãi suất hợp đồng tín dụng số 96/2019/HĐ-TD ngày 26/11/2019, thấy rằng:

Mức lãi suất nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận là 7,92%/năm, lãi suất quá hạn là 10,296%/năm là phù hợp với quy định pháp luật.

Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 quy định:

Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất.

Do đó, Ngân hàng C yêu cầu bà L trả số tiền vốn còn nợ 39.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 14-9-2022 là 3.010.944 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 42.010.944 đồng là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn không phải chịu án phí và được miễn tạm ứng án phí thuộc trường hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 nên không hoàn trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với bà Phạm Thị Cẩm L về hợp đồng vay tài sản.

- Buộc bà Phạm Thị Cẩm L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C số tiền 42.010.944 đồng (trong đó: nợ gốc là: 39.000.000 đồng; nợ lãi đến ngày 14-9-2022 là 3.010.944 đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị Cẩm L phải chịu 2.100.000

đồng (*hai triệu một trăm nghì đồng*) tiền án phí.

Do Ngân hàng C được miễn tạm ứng án phí thuộc trường hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 nên không hoàn trả lại.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.